

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2017/DS-ST**
Ngày 18-9-2017
v/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim;
2. Bà Đinh Thị Hạnh;

-Thư ký phiên tòa: Trần Đình Trường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2017/TLST- DS, ngày 9/5/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2017/QĐST-DS ngày 21/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2017/QĐST-DS ngày 8/9/2017; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hoàng Thị Lệ U**, sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn X, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Phùng Thế V**, sinh năm 1980

Trú tại: Số 50 đường CVA, khu phố 3, thị trấn DT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Phạm Thị P**, sinh năm 1985.

Trú tại: Số 50 đường CVA, khu phố 3, thị trấn DT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2017, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị Lệ U trình bày: Ngày 8/8/2016 ông Phùng Thế V vay của bà U số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay về làm kinh tế trong gia đình, thời hạn vay 01 tuần, lãi suất là một ngày phải 2.000 đồng tiền lãi trên 1.000.000 đồng tiền gốc (tức 6%/tháng). Ngày 6/9/2016 do làm ăn bị thiếu tiền nên ông V vay thêm 3.000.000 đồng và có để lại cho bà U giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số tiền này ông V vay tạm khoản 1 tháng, lãi suất cũng 6%/tháng. Sau đó người có tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên bà U đã trả cho người này. Đồng thời cùng lúc đó bà U đến gặp vợ chồng ông V, bà P đòi tiền, nhưng ông, bà cứ hẹn lần này đến lần khác mà không chịu trả. Từ khi vay cho đến ngày 18/3/2017 ông V có trả cho bà U 1.500.000 đồng tiền lãi.

Nay bà U yêu cầu ông V, bà P phải trả cho bà số tiền gốc 23.000.000 đồng và tiền lãi từ khi vay cho đến khi Tòa án xét xử, với mức lãi 0,75%/tháng.

Chứng cứ do bà U đưa ra trong quá trình giải quyết vụ án gồm một giấy mượn tiền ghi ngày 8/8/2016.

Tại bản khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa bị đơn ông Phùng Thế V trình bày: Ngày 8/6/2016 ông V vay của bà U 20.000.000 đồng, gần 01 tháng sau vay thêm 3.000.000 đồng, tổng cộng là vay 23.000.000 đồng. Khi vay chỉ thỏa thuận hàng tháng trả lại, còn thời hạn vay là không nói cụ thể. Sau đó bà U gọi điện hỏi số tiền ông V vay, ông V nói chưa có tiền trả và có trả trước 1.500.000 đồng.

Trong lúc này vợ chồng ông V đang ly hôn ở Tòa án, nên tinh thần ông V bị suy sụp, kinh tế khó khăn. Thấy vậy, mẹ vợ ông V đồng ý đứng ra trả thay số tiền gốc ông V đã vay, rồi ông V sẽ lại cho mẹ vợ ông sau. Do vậy, mẹ vợ ông V đến gặp bà U thỏa thuận, thì bà U đồng ý chỉ lấy tiền gốc, còn tiền lãi không tính. Nhưng sau đó không thấy bà U xuống lấy tiền.

Nay ông V xin trả dần tiền gốc mỗi tháng từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng, còn tiền lãi ông xin được miễn trả.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P tại phiên tòa trình bày: Việc vay tiền giữa ông V và bà U thì bà P không biết, đến khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ bà bị mất thì gia đình báo cho UBND thị trấn DT, thì mới biết ông V đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ bà thế chấp cho bà U để vay tiền. Do thời điểm ông V vay tiền bà P và ông V còn là vợ chồng nên bà đồng ý cùng ông V trả cho bà U 23.000.000 đồng tiền gốc, nhưng mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, còn tiền lãi xin miễn trả.

Những tình tiết trong vụ án mà các bên đã thống nhất: Trong ngày 8/8/2016 ông V vay của bà U 20.000.000 đồng, ngày 6/9/2016, ông V vay thêm 3.000.000 đồng. Tổng cộng là 23.000.000 đồng. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi nhưng không thể hiện trong giấy vay.

Những tình tiết trong vụ án các bên chưa thống nhất: Bà U cho rằng ông V vay tiền trong hạn 01 tháng, và yêu cầu tính lãi 0,75%/tháng, từ ngày vay cho đến ngày xét xử. Ông V bà P đề nghị trả dần, mỗi tháng là 5.000.000 đồng, chứ ông V, bà P không có khả năng trả một lần.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

-Phần thủ tục: Việc thụ lý vụ án của Thẩm phán, hành vi tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tuân thủ đúng các quy định của luật tố tụng dân sự khi tham gia giải quyết vụ án.

-Phần nội dung: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Xét yêu cầu khởi kiện của bà U là có căn cứ, nên chấp nhận. Qua các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện ông V vay của bà U 23.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà P có đề nghị trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, nhưng bà U không đồng ý. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, buộc ông V, bà P trả cho bà U 23.000.000 đồng gốc và lãi suất 0.75%/tháng tính từ ngày vay cho đến nay, nhưng trừ ra 1.500.000 đồng tiền lãi ông V đã trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp này là Bộ luật dân sự năm 2005, vì quan hệ dân sự này xác lập trước thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành.

[3] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc ông V và bà P phải trả số tiền vay 23.000.000 đồng và tiền lãi 0,75%/tháng thì thấy rằng:

Việc ông V có vay của bà U 02 lần tiền, lần thứ nhất vào ngày 8/8/2016 số tiền 20.000.000 đồng, lần thứ hai ngày 6/9/2016 vay 3.000.000 đồng. Việc này các đương sự đều thống nhất và chứng cứ- giấy mượn tiền do bà U đưa ra có thể hiện nội dung này.

Về lãi suất ông V và bà U đều thừa nhận vay có lãi suất (tại buổi hòa giải ngày 28/7/2017 và tại phiên tòa hôm nay ông V có trình bày: Thời hạn vay không xác định, chỉ thỏa thuận hàng tháng phải trả lãi). Theo bà U trình bày lãi suất thỏa thuận 6%/tháng là trái quy định của pháp luật, theo Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Nhưng trong quá trình tham gia tố tụng bà U chỉ yêu cầu tính lãi 0,75%/tháng là phù hợp và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận. Riêng số tiền lãi

1.500.000 đồng ông V đã trả cho bà U ngày 18/3/2017 thì được trừ vào số tiền lãi cho ông V, bà P phải trả cho bà U.

Về thời hạn vay: Theo bà U khai là vay trong thời gian 01 tuần, còn ông V khai vay không có thời hạn, giấy mượn tiền do bà U đưa ra cũng không ghi thời hạn cho vay. Vì vậy xác định đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn và có lãi theo quy định của khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005. Sau đó bà U đã yêu cầu ông V trả nợ, điều này được thể hiện trong bản tự khai của ông V ở bút lục số 24 (Bà U gọi điện thoại cho tôi, hỏi về số tiền tôi đã mượn, tôi nói chưa có trả và tôi xin gửi trước số tiền là 1.500.000 đồng). Số tiền 1.500.000 đồng này ông V trả cho bà U ngày 18/3/2017. Do đó tháng 7/2017 bà U được quyền khởi kiện ông V là đúng theo quy định pháp luật, bởi vì bà U đã thực hiện nghĩa vụ báo trước cho ông V biết. Tại phiên tòa ông V bà P xin miễn trả lãi nhưng bà U không chấp nhận, do đó tính lãi theo yêu cầu của bà U.

Do ông V vay tiền lo cho việc làm ăn trong gia đình, vào tháng 8 và tháng 9 năm 2016, lúc này ông V bà P chưa ly hôn. Do đó áp dụng Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, buộc ông V, bà P phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà U là phù hợp.

Từ phân tích nhận định trên, buộc ông V và bà P phải trả cho bà U số nợ gốc là 23.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ, với mức lãi suất 0,75%/tháng; cụ thể:

$-20.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/tháng \times 13 \text{ tháng } 10 \text{ ngày (từ 8/8/2016-18/9/2017)} = 2.00.000 \text{ đồng.}$

$-3.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/tháng \times 12 \text{ tháng } 12 \text{ ngày (từ 6/9/2016-18/9/2017)} = 279.000 \text{ đồng.}$

Tổng tiền lãi ông V, bà P trả cho bà U tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.279.000 đồng (đã trả 1.500.000 đồng), tiền lãi còn phải trả là 779.000 đồng.

Nếu ông V, bà P chậm trả thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc ông V, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 357, khoản 2 Điều 468, điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 471, 474, 476, khoản 2, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Phùng Thế V và bà Phạm Thị P phải trả cho bà Hoàng Thị Lệ U tổng số tiền 23.779.000 đồng (hai mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn đồng), gồm tiền gốc 23.000.000 đồng và tiền lãi 779.000 đồng.

Kể từ ngày bà U có đơn yêu cầu thi hành án, ông V, bà P phải chịu lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng thời gian và số tiền chậm thanh toán.

2. Về án phí: Ông Phùng Thế V và bà Phạm Thị P phải chịu 1.188.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã làm tròn số).

Trả lại cho bà Hoàng Thị Lệ U số tiền tạm ứng án phí đã nộp 575.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013099 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 18/9/2017, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./-

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái